Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 6 - 2023
V/v "*Ly hôn, t/c về nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Xuân Sơn

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Huỳnh Bình và ông Lê Văn Mỳ

**** Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông Lê Đình Vạn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1985;

CCCD số 075185008xxx cấp ngày 12/8/2021

Nơi cư trú: Số nhà 2xx, Tổ M2, Khu phố M, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Thái Văn L, sinh năm 1981;

CCCD số 075081005xxx cấp ngày 29/7/2022

Nơi cư trú: Số nhà 238, Tổ M2, Khu phố M, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông L xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Lê Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Thái Văn L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 2xx, ngày 22/04/2014.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L chơi cờ bạc, gây nợ nần để bà phải trả nợ rất nhiều lần mặc dù bà đã cố gắng khuyên ngăn để ông L thay đổi nhưng ông L vẫn không thay đổi mà ngày càng chơi nhiều hơn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thái Văn L.

Về con chung: bà và ông L có 02 con chung tên là Thái Lê Thảo N, sinh ngày 09/09/2015 và Thái Lê Ngọc Nh, sinh ngày 24/02/2020. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản: bà và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay do bận việc nên bà xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn ông Thái Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Lê Thị Kim T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Nay bà T xin ly hôn với ông thì ông đồng ý.

Về con chung: ông và bà Thủy có 02 con chung tên là Thái Lê Thảo N, sinh ngày 09/09/2015 và Thái Lê Ngọc Nh, sinh ngày 24/02/2020. Ly hôn, ông đồng ý giao 02 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản: ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay do bận việc nên ông xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầu đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim T về việc ly hôn với ông Thái Văn L; về con chung: giao 02 con chung là Thái Lê Thảo N, sinh ngày 09/09/2015 và Thái Lê Ngọc Nh, sinh ngày 24/02/2020 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng; về tài sản: đương sự không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét; về án phí: bà T, ông L phải chịu án phí theo quy định; Đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên toà, bà Lê Thị Kim T, ông Thái Văn L tự nguyện xin vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T, ông L.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Lê Thị Kim T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Thái Văn L, nơi cư trú: Số nhà 238, Tổ M2, Khu phố M, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định bà Lê Thị Kim T là nguyên đơn, ông Thái Văn L là bị đơn; quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Bà Lê Thị Kim T và ông Thái Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 2xx, quyển số 01/2013 ngày 22/04/2014. Căn cứ các Điều 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010), xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Kim T, ông Thái Văn L có giá trị pháp lý.

[3.2]. Các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy tình trạng hôn nhân của bà T và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thể hiện: qua lời trình bày của bà T và sự thừa nhận của ông L. Nay bà T xin ly hôn, ông L tự nguyện đồng ý nên ghi nhận. Do đó, căn cứ Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010), các Điều 51, 53, 64, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014, bà Lê Thị Kim T được ly hôn ông Thái Văn L.

[4]. Về quan hệ con chung: bà Lê Thị Kim T và ông Thái Văn L cùng thống nhất trình bày có 02 con chung tên là Thái Lê Thảo N, sinh ngày 09/09/2015 và Thái Lê Ngọc Nh, sinh ngày 24/02/2020. Ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu N, cháu Nh và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, ông L đồng ý nên ghi nhận. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung: bà Lê Thị Kim T, ông Thái Văn L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005063 ngày 23/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Bà T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Thái Văn L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 53, 54, 56, 61, 89, 91, 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010); các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Kim T được ly hôn ông Thái Văn L.

[2]. Về quan hệ con chung: bà Lê Thị Kim T và ông Thái Văn L có 02 con chung tên là Thái Lê Thảo N, sinh ngày 09/09/2015 và Thái Lê Ngọc Nh, sinh ngày 24/02/2020. Giao 02 con chung là Thái Lê Thảo N, sinh ngày 09/09/2015 và

Thái Lê Ngọc N, sinh ngày 24/02/2020 cho bà Lê Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông Thái Văn L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Thái Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung: bà T, ông L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về án phí: bà Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005063 ngày 23/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Bà T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Thái Văn L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về quyền kháng cáo: bà Lê Thị Kim T, ông Thái Văn L được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự (02);
- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND H.VC (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- UBND TT.V, H.C (01);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn